

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2018/DS-ST

Ngày 31 tháng 8 năm 2018

*V/v: “Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Xuân Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Xuân Dệt.

2. Bà Lê Thị Toan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 199/2015/DS-ST ngày 06 tháng 10 năm 2015 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N - sinh năm 1972; Địa chỉ: đường H, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị H - sinh năm 1970; Địa chỉ: đường N, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. *Người làm chứng:*

Anh Phạm Khải H – sinh năm 1992 và chị Phạm Thị Duy U – sinh năm 1996 (con bà Lê Thị Hương); Cùng địa chỉ: đường N, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 18/5/2014 âm lịch bà là Nguyễn Thị N (sau đây viết tắt là nguyên đơn) có cho bà Lê Thị H (sau đây viết tắt là bị đơn) vay số tiền 150.000.000 đồng

(một trăm năm mươi triệu đồng), giấy vay tiền này do bị đơn viết và ký và đã được nguyên đơn giao nộp khi khởi kiện thể hiện tại Bút lục 04. Theo thỏa thuận tại giấy vay tiền thì bị đơn có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn mỗi ngày là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và phải trả hết nợ trong vòng một tháng kể từ ngày vay. Khi vay tiền chỉ có nguyên đơn và bị đơn giao dịch trực tiếp không có ai khác và bị đơn không có thể chấp tài sản gì. Tuy nhiên tính đến nay bị đơn đã trả nợ cho nguyên đơn nhiều lần (không cụ thể số lần trả nợ và thời gian trả nợ) với tổng số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), còn nợ là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và bị đơn không trả nợ nữa, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần đến gặp bị đơn để yêu cầu trả nợ còn lại 30.000.000 đồng nhưng bị đơn không chịu trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền gốc còn nợ là 30.000.000 đồng phát sinh từ giấy vay tiền ghi ngày 18/5/2014 âm lịch, không yêu cầu bị đơn trả lãi. Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn chỉ trả nợ số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Tại các bản khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn trình bày:

Bị đơn thừa nhận vào ngày 18/5/2014 âm lịch bị đơn có viết và ký tên “*Lê Thị N*” tại giấy vay tiền như nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện tại Bút lục 04, tuy nhiên bị đơn chỉ vay số tiền của nguyên đơn là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và thỏa thuận bị đơn trả nợ mỗi ngày là 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), do đó nguyên đơn khởi kiện cho rằng bị đơn vay 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và trả mỗi ngày là 5000.000 đồng (năm triệu đồng) là hoàn toàn không đúng sự thật. Bị đơn cho rằng nguyên đơn đã tự ý điền thêm vào số tiền vay thực tế 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) thành 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) thành 5000.000 đồng (năm triệu đồng) tại giấy vay tiền thể hiện tại Bút lục 04 để khởi kiện bị đơn là không đúng sự thật, bị điền thêm nên bị đơn không chấp nhận. Cụ thể tại giấy vay tiền ghi ngày 18/5/2014 âm lịch bị sửa, điền thêm như sau: Tại dòng số 06 từ trên xuống bị đơn chỉ viết “*Số tiền: 15 TR*” nhưng nay có chữ viết thêm số “0” và “*iệu*” thành “*Số tiền: 150TRiệu*”; tại dòng thứ 07 bị đơn chỉ viết “*Góp trả: Mỗi ngày là: 500*” nhưng nay có chữ viết thêm số “0.000đ” thành “*Góp trả: Mỗi ngày là: 5.000.000đ*”; tại dòng thứ 08, 09 thì ngoài phần chữ đánh máy do nguyên đơn soạn sẵn thì dòng chữ “*Nếu Q trả nợ, tôi được quyền lấy tài sản, Q chịu trách nhiệm trước pháp luật*” không phải chữ viết của bị đơn.

Sau khi bị đơn viết giấy vay tiền của nguyên đơn ngày 18/5/2014 âm lịch ở trên thì bị đơn đã trả trực tiếp cho nguyên đơn tổng số tiền là 7.000.000 đồng, trong đó bà trực tiếp trả cho bà Nga được 4 lần, mỗi lần 500.000 đồng vào các ngày 19, 20, 21, 22 tháng 5/2014 âm lịch với số tiền 2.000.000 đồng, còn lại số tiền trả nợ là 5.000.000 đồng (không nhớ thời gian trả nợ và số lần trả nợ) do các con bà là Phạm Khải H và Phạm Thị Duy U trả nợ thay cho bà. Nhưng số tiền trả nợ cho nguyên đơn tổng cộng là 7.000.000 đồng như trình bày ở trên thì bị đơn và các con của bị đơn không có chứng cứ, tài liệu gì khi giao nhận tiền để giao nộp cho Tòa án. Như vậy, hiện nay bị đơn thừa nhận chỉ còn nợ bà nguyên đơn số tiền 8.000.000 đồng, bị đơn xin trả nợ cho nguyên đơn mỗi tháng 200.000 đồng cho

đến khi hết nợ. Khi vay số tiền này của bà Lê Thị N thì chỉ có một mình bị đơn đi vay, chồng bà không biết khoản vay này, cũng không sử dụng số tiền này vào tiêu dùng chung cho gia đình. Do đó bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ 15.000.000 đồng, bị đơn cho rằng chỉ còn nợ 8.000.000 đồng.

Tại phiên tòa người làm chứng anh Phạm Khải H có lời khai như bị đơn, còn chị Phạm Thị Duy U vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản khai xin vắng mặt và có ý kiến như bị đơn trình bày.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến khi xét xử nghị án đều đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ số tiền là 15.000.000 đồng nợ gốc phát sinh tại giấy vay tiền ghi ngày 18/5/2014 âm lịch; buộc nguyên đơn chịu chi phí giám định theo quy định của pháp luật; buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Theo Giấy vay tiền ghi ngày 18 tháng 5 năm 2014 âm lịch (nhằm ngày 15/6/2014 dương lịch) thể hiện tại Bút lục 04 thì thời hạn trả nợ thỏa thuận là một tháng kể từ ngày vay (tức trả nợ đến ngày 15/7/2014 dương lịch). Do bị đơn chưa trả hết nợ như đã cam kết với nguyên đơn nên ngày 06/10/2015 nguyên đơn làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku là có cơ sở. Xét thấy, các bên cho vay không nhằm mục đích lợi nhuận, còn trong thời hiệu khởi kiện, bị đơn có địa chỉ tại thành phố P nên Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” là đúng với quy định tại các Điều 25, 33, 35, 159 của Bộ luật tố tụng dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2011.

- Ngày 17/3/2017 nguyên đơn đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ngọc D – sinh năm 1998 tham gia tố tụng, tuy nhiên đến ngày 13/8/2018 nguyên đơn đã chấm dứt việc ủy quyền này và tự tham gia tố tụng (Bút lục 166), do đó tại phiên tòa bà Nguyễn Thị N tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn trong vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền vay là 15.000.000 đồng (trước khi xét xử nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ 30.000.000 đồng), không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu thay đổi khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 243, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này.

* Về nội dung vụ án:

[2] Theo Giấy vay tiền ghi ngày 18 tháng 5 năm 2014 âm lịch (sau đây viết tắt là Giấy vay tiền) do nguyên đơn cung cấp tại hồ sơ vụ án thể hiện tại Bút lục 04, có nội dung như sau:

“Hôm nay, ngày 18 tháng 5 năm 2014 ÂL

Tôi tên: Lê THỊ N

Cư trú: đường N, thành phố P

Có mượn: Nguyễn Thị N

Cư trú: đường V – thành phố P - Gia Lai

Số tiền: 150TRiệu

Góp trả: Mỗi ngày là: 5.000.000đ

1 tháng là hết. Nếu Q trả nợ, tôi đc quyền lấy tài sản, Q chịu trách nhiệm trước pháp luật”

Thành phố P, ngày 18 tháng 5 năm 2014

Ký tên (có chữ ký) và ghi tên Lê THỊ N”.

Căn cứ vào nội dung trình của các đương sự có tại hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận thấy các chứng cứ liên quan đến vụ án đã được nguyên đơn và bị đơn thống nhất và thừa nhận nên không cần phải chứng minh, gồm: Giấy vay tiền ghi ngày 18 tháng 5 năm 2014 âm lịch ở trên là do nguyên đơn viết và ký tên là Lê Thị N (tên thật là Lê Thị H) và chỉ có 01 bản do nguyên đơn giữ. Phần nội dung ghi *“Nếu Q trả nợ, tôi đc quyền lấy tài sản, Q chịu trách nhiệm trước pháp luật”* là do nguyên đơn viết.

[3] Những nội dung, chứng cứ các đương sự không thống nhất mà Hội đồng xét xử cần chứng minh làm rõ như sau:

Bị đơn chỉ thừa nhận chỉ viết vào giấy vay tiền ngày 18 tháng 5 năm 2014 âm lịch, chỉ vay nguyên đơn với số tiền là 15.000.000 đồng và hẹn thời gian trả nợ mỗi ngày là 500.000 đồng, trả nợ trong vòng một tháng kể từ ngày vay mà không có viết và vay số tiền là 150.000.000 đồng và mỗi ngày trả là 5.000.000 đồng trong vòng một tháng kể từ ngày vay như nguyên đơn trình bày và đã nộp chứng cứ vay tiền trên cho Tòa án. Bị đơn cho rằng giấy vay tiền này bị giả mạo, điền thêm, không đúng sự nên ngày 20/6/2017 bị đơn đã làm Đơn yêu cầu trưng cầu giám định chứng cứ “giấy vay tiền ghi ngày 18 tháng 5 năm 2014 âm lịch” để yêu cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai giám định làm rõ sự thật. Và ngày 22/6/2017 Tòa án nhân dân thành phố P đã ra Quyết định trưng cầu giám định tại Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai, nội dung giám định là *“Giám định so sánh số “0” sau số “15” tại dòng số 6 và số “0000” sau số “500” tại dòng số 7 tính từ trên xuống của giấy mượn tiền được đánh số Bút lục 04 của Tòa án nhân dân thành phố P đánh so với số “500” của dòng số 7 tính từ trên xuống của của giấy mượn tiền được đánh số Bút lục 04 có phải: Cùng do một người viết ra không?; Cùng do một màu mực viết ra không?; Có viết cùng thời gian không?”*. Tại Kết luận giám định số 242/KLGD ngày 05/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai đã kết luận như sau: *“Số “0” sau số “15” tại dòng số 6 (tính từ trên xuống) và cụm số “0.000” sau số “500” tại dòng số 7 (tính từ trên xuống) so với số “500” tại dòng số 7 (tính từ trên xuống) trên tài liệu cần giám định là: Không phải do một người viết ra, không phải do cùng một loại mực viết ra và không được viết ra cùng một thời điểm (bị điền thêm)”*.

Sau khi có kết luận giám định, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có Công văn số 04/YC-VKS ngày 06 tháng 7 năm 2017 đề nghị Tòa án nhân dân thành phố P chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku điều rõ hành vi điền thêm vào giấy vay tiền ghi ngày 18 tháng 5 năm 2014 âm lịch vì có dấu hiệu tội phạm hình sự. Sau đó ngày 11 tháng 7 năm 2017 Tòa án nhân dân thành phố P có Công văn số 231/CV-TA để yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P làm rõ yêu cầu của Viện kiểm sát đã nêu tại Công văn số 04/YC-VKS. Đến ngày 18 tháng 5 năm 2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã thông báo cho Tòa án nhân dân thành phố P về kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm như sau: *“Vào ngày 18/05/2014 (âm lịch) bà Lê Thị H đến nhà bà Nguyễn Thị N vay tiền thì bà N đồng ý cho vay, khi bà N đưa tiền yêu cầu bà H ghi giấy và bà H ghi trong giấy mượn tiền là: 15.000.000đ nhưng sau khi bà H không trả tiền, bà N khởi kiện ra Tòa án TP.P thì số tiền vay lúc này bị điền thêm từ số tiền là: 15.000.000đ thành số tiền là: 150.000.000đ nên bà N đòi số tiền 150.000.000đ là không có cơ sở, hơn nữa số tiền trên chưa bị chiếm đoạt do đó không có dấu hiệu của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự (Bút lục 157)”*.

[4] Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở xác định là bà Lê Thị H (tên thường gọi là Lê Thị N) chỉ vay của bà Nguyễn Thị N theo giấy vay tiền ghi ngày 18/05/2014 âm lịch với số tiền là 15.000.000 đồng, không phải vay số tiền là 150.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày là có cơ sở như kết quả giám định và kết luận của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P nêu trên. Tuy nhiên theo thỏa thuận thì bị đơn phải trả nợ số tiền vay 15.000.000 đồng cho nguyên đơn trong vòng một tháng kể từ ngày vay 18 tháng 5 năm 2014 âm lịch, bị đơn khai là đã trả cho nguyên đơn được 7.000.000 đồng, còn nợ 8.000.000 đồng (trong đó bị đơn trực tiếp trả 4 lần, mỗi lần 500.000 đồng vào các ngày 19, 20, 21, 22 tháng 5/2014 âm lịch với số tiền 2.000.000 đồng, còn lại số tiền trả nợ là 5.000.000 đồng do các con bà là Phạm Khải H – sinh năm 1992 và Phạm Thị Duy U – sinh năm 1996 trả nợ thay cho bị đơn nhưng không nhớ thời gian trả nợ và số lần trả nợ) nhưng lời khai trả nợ 7.000.000 đồng này của bị đơn và các con của bị đơn là Phạm Khải H (tại phiên tòa) và Phạm Thị Thu U (Bản khai Bút lục 18) không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn và hai con của bị đơn cũng không xuất trình được chứng cứ, tài liệu để chứng minh đã trả nợ cho nguyên đơn như đã trình bày nên Hội đồng xét xử phải buộc bị đơn còn nợ số tiền đã vay của nguyên đơn và chưa trả là 15.000.000 đồng.

Việc bị đơn vay tiền thì bị đơn đã khai là chỉ một mình bị đơn đi vay mà chồng bị đơn là Phạm Chí D không có liên quan và số tiền vay này cũng không sử dụng vào mục đích chung cho gia đình và đã được ông Phạm Chí D xác nhận là đúng sự thật (Bút lục 16, 17). Do đó bị đơn bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N số tiền gốc đã vay là 15.000.000 đồng.

[5] Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc bà Lê Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị N với số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng phát sinh từ Giấy vay tiền ghi ngày 18/5/2014 âm lịch. Do bà Nguyễn Thị N không yêu cầu tính lãi trên nợ gốc nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chi phí giám định:

Căn cứ Điều 161, 162 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Do yêu cầu giám định chứng cứ của bị đơn là có căn cứ nên nguyên đơn phải chịu chi phí giám định chứng cứ với số tiền là 2.775.000 đồng theo Phiếu thu ngày 05/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai. Do bị đơn đã nộp số tiền tạm ứng chi phí giám định này nên nguyên đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Lê Thị H số tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp là 2.775.000 đồng.

[7] Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bà Lê Thị Hương phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 25, 33, 35, 159 của Bộ luật tố tụng dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2011 và Điều 26, 35, 39, 91, 92, 93, 95, 103, 243, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 357; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc bà Lê Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị N với số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng phát sinh từ Giấy vay tiền ghi ngày 18/5/2014 âm lịch

2. Về chi phí giám định:

Căn cứ Điều 161, 162 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Bà Nguyễn Thị N phải chịu chi phí giám định chứng cứ với số tiền là 2.775.000 đồng theo Phiếu thu ngày 05/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai. Do bà Lê Thị H đã nộp số tiền tạm ứng chi phí giám định này nên bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Lê Thị H số tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp là 2.775.000 đồng.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Buộc bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả nợ 15.000.000 đồng, án phí là 750.000 đồng.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị N đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 750.000 đồng theo biên lai thu số 0002037 ngày 06 tháng 10 năm 2015 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến thi hành án xong phần nghĩa vụ phải thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Xuân Hòa